TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Mạnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1298/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Khối 6A, Thị trấn Anh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1963.
Địa chỉ: 47/20 Nguyễn Văn Săng, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông C cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Mạnh C tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Anh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 14/5/2011.

Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên gần đây giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tình cảm cũng như về tài chính, mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà L xác nhận bà và ông C không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án gải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

Bị đơn- ông Nguyễn Mạnh C trình bày: Ông xác nhận quá trình kết hôn như bà L trình bày là đúng. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xãy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hai bên đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay ông C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân và tạo lập gia đình đã không còn ý nghĩa nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông C xác nhận ông và bà L không có con chung.

Về tài sản chung: Ông C và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác nhận không có.

Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn yêu cầu vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc; các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 14/5/2011 do Ủy ban nhân dân Thị trấn Anh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông C hiện cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L có đơn đề ngày 05/12/2019; Bị đơn- ông Nguyễn Mạnh C có đơn đề ngày 30/12/2019 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông C.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ và lời trình bày của bà L, ông C và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống giữa bà bà L, ông C phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vấn đề tình cảm, tài chính, vợ chồng

thường xuyên cãi vả dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hiện nay bà L, ông C đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù ông bà đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Nay bà L xác nhận không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không còn khả năng hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông C đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà L, ông C cùng xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Về quan hệ tài sản chung: Bà L, ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà L, ông C cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn Nguyễn Mạnh C.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Mạnh C (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thị trấn Anh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/5/2011) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà L, ông C cùng xác nhận không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà L, ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L, ông C cùng xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị L chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0020320 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Mạnh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung